
THÔNG TIN – BÌNH LUẬN

Công viên cây xanh thành phố Hồ Chí Minh: Sự hình thành, xu hướng sử dụng, phát triển và các vấn đề tồn tại

Nguyễn Thị Hạnh*

Đại học Orleans, số 10 Rue de Tours, Paris, Pháp

Nhận ngày 01 tháng 3 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 3 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 8 năm 2015

Tóm tắt: Hệ thống công viên và cây xanh tại thành phố Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển qua mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau. Trong quá trình này, hình thức sử dụng cũng như xu hướng phát triển và quy hoạch mỗi công viên cũng khác nhau. Bài viết với mục đích mang đến cái nhìn tổng quan về sự hình thành và phát triển không gian xanh thành phố Hồ Chí Minh và nhìn lại vai trò, các loại hình của không gian xanh, đặc biệt là công viên công cộng và những vấn đề tồn tại trước thách thức của sự phát triển kinh tế và tình trạng quy hoạch đô thị hiện nay tại thành phố Hồ Chí Minh. Để thực hiện mục tiêu này, chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận không gian xã hội và khảo sát thực tế bốn công viên tại khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc sử dụng các công viên đô thị của người dân.

Từ khóa: Không gian xanh, công viên, người sử dụng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1. Công viên và vườn công cộng, chủ đề nghiên cứu còn hạn chế ở Việt Nam

Không như những nước phát triển trên thế giới, cụm từ “*Công viên và vườn công cộng*” được sử dụng rất muộn tại Việt Nam. Thuật ngữ này được sử dụng lần đầu tiên tại Điều 50 của Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam năm 1993. Điều luật có ghi: “[...] *bảo vệ và phát triển hệ thống công viên, khu vui chơi giải trí, công*

trình công cộng; hệ thống thực vật [...]” (Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, 1993). Năm 2003, nhà nước ban hành Quyết định số 256/2003/TTg-QĐ của Thủ tướng chính phủ về bảo vệ môi trường giai đoạn 2010-2020, mục tiêu nhằm cải thiện chất lượng môi trường liên quan đến không gian xanh công cộng, “*90% các đường phố phải có thảm thực vật; [...] bề mặt của công viên được tăng gấp đôi so với năm 2000*”. Đối với hầu hết các chuyên gia và các nhà nghiên cứu, thuật ngữ “*Mảng xanh*” thường được sử dụng thay cho cụm từ “*Vườn*

*ĐT: +33 (0)2 38 49 24 73

Email: hanh.pancrace@gmail.com

và công viên công cộng”.

Các nước phương Tây đã đi rất xa trong việc đưa hệ thống công viên và các khu vườn vào thành phố để giúp người dân thư giãn và vui chơi giải trí, gần gũi hơn với thiên nhiên. Đó cũng là điều tất yếu trong quản lý và quy hoạch không gian xanh đô thị [1]

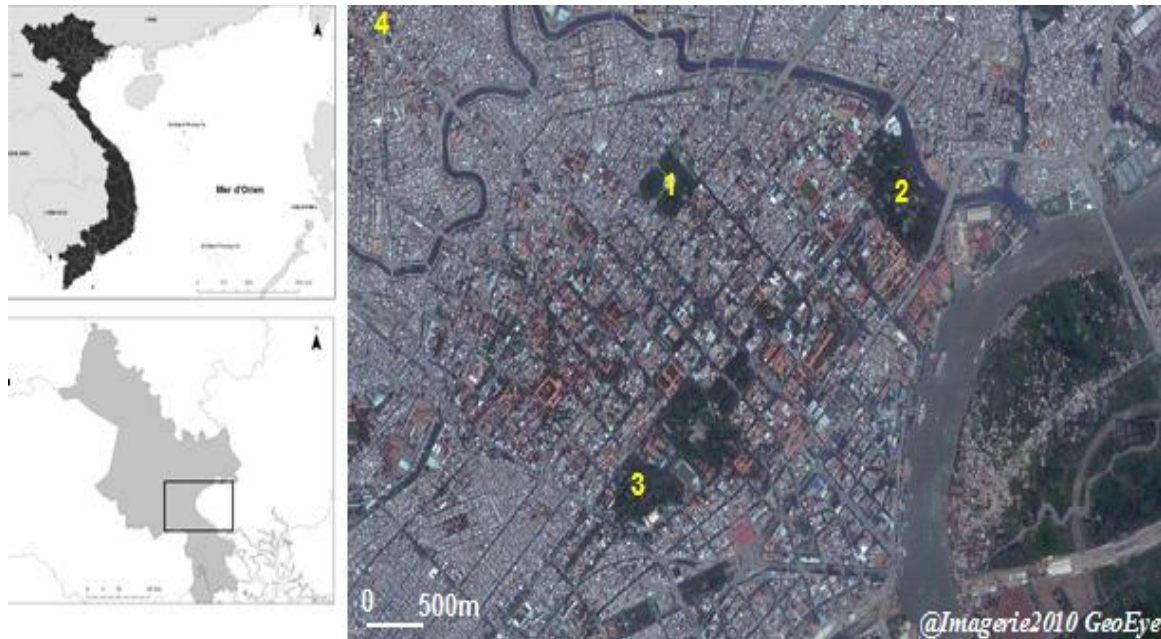
Tại Việt Nam, những nghiên cứu và phát triển không gian xanh gần đây nhằm mục đích cải thiện và bảo vệ môi trường. Điều này thể hiện rõ trong các nghiên cứu của Vũ Xuân Đề về không gian xanh tại thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM). Có thể liệt kê vài nghiên cứu của Vũ Xuân Đề như: Thiết lập thảm thực vật rừng của huyện Thủ Đức (1991); Quy hoạch đất đai và quản lý không gian xanh ở các vùng ven đô thị (1993); Bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị trong sự phát triển của nền kinh tế xã hội hiện nay (1995).

Chế Đình Lý cũng nghiên cứu về lĩnh vực không gian xanh. Những nghiên cứu của Chế Đình Lý tập trung vào việc phát triển và quản lý không gian xanh đô thị, đặc tính các loại cây trồng đô thị [2]. Tác giả đặc biệt quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển thảm thực vật đô thị về mặt kỹ thuật. Trong khi đó Hàn Tất Ngạn xem xét vấn đề về mặt cảnh quan đô thị bao gồm nghệ thuật vườn và công viên công cộng, nghệ thuật Hòn Non bộ [3]. Những nghiên cứu khác như Bùi Ngọc Tấn và đồng nghiệp gần đây tìm hiểu về việc kiểm kê và các biện pháp bảo tồn hệ thống không gian xanh các trung tâm, tòa nhà (các trường đại học, các văn phòng hành chính...). Các nghiên cứu về không gian xanh tại Việt Nam đến nay nhìn chung đều tập trung vào kỹ thuật và quản lý (Phạm Minh Thịnh & al., 2009). Trong khi đó, việc phân loại trong việc sử dụng mảng xanh đô thị nhất là

công viên trong thành phố chưa được tìm hiểu sâu. Thật vậy, tất cả các công viên đều có sự hình thành, đặc trưng riêng do sự kết hợp của nhiều yếu tố [4]. Vì vậy, bài viết nhằm mục đích cung cấp cái nhìn tổng quan về sự hình thành và phát triển không gian xanh thành phố Hồ Chí Minh và nhìn lại vai trò, các loại hình của không gian xanh, đặc biệt là công viên công cộng và những vấn đề tồn tại trước thách thức của sự phát triển kinh tế và tình trạng quy hoạch đô thị hiện nay tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng nghiên cứu và Phương pháp nghiên cứu

Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố lớn nhất nước với hơn 9 triệu dân (Cục thống kê TP.HCM, 2012) và là trung tâm kinh tế thương mại dịch vụ của miền Nam. Các khu đô thị và công viên công cộng ở TP.HCM được hình thành và phát triển qua các giai đoạn lịch sử khác nhau của đất nước. Trong ngôn ngữ của Sài Gòn xưa, khái niệm về công viên chưa tồn tại. Thời bấy giờ người ta thường gọi là Vườn như Vườn Ông Thượng (công viên Tao Đàn ngày nay), Vườn Lài (ngã tư đường Ngô Gia Tự và Sư Vạn Hạnh ngày nay)... Sau đó, người Pháp đã mang đến một cái nhìn khác về không gian xanh đô thị. Công viên và quảng trường được xây dựng nhiều ở trung tâm thành phố để bảo tồn hệ sinh thái đô thị và nhu cầu giải trí của người dân như Thảo Cầm Viên, Nghĩa địa Tây (công viên Lê Văn Tám ngày nay). Sau ngày độc lập, một phần do chiến tranh, phần khác do việc ưu tiên xây dựng để phát triển kinh tế và thương mại, diện tích không gian xanh của thành phố có xu hướng giảm đi.



Hình 1. 1 – Công viên Lê Văn Tám ; 2 – Thảo Cầm Viên ; 3 – Công viên Tao Đàn ; 4 – Hương đi công viên Gia Định (Nguồn, Tác giả, 2013)

Nhận định trên cho thấy tính phức hợp trong sự hình thành và phát triển hệ thống công viên tại TP.HCM. Làm thế nào để mô tả đặc tính và phân loại sử dụng công viên cây xanh rõ ràng hơn tại TP.HCM? Chúng tôi tiến hành thực hiện khảo sát từ năm 2006 đến 2010 tại bốn công viên: Công viên Lê Văn Tám, Tao Đàn, Gia Định và Thảo Cầm viên (Hình 1). Tiêu chí lựa chọn các đối tượng nghiên cứu dựa trên giá trị lịch sử công viên, vấn đề liên quan đến quy hoạch và tính phục vụ cho nhu cầu giải trí của người dân. 50 mẫu phỏng vấn được chọn ngẫu nhiên tại mỗi công viên. Dựa trên phương pháp tiếp cận không gian xã hội và quan sát thực tế, chúng ta quan tâm đến hai khía cạnh chính: thứ nhất là ý thức về vai trò khác nhau của công viên công cộng trong thành phố, thứ hai là mối quan hệ giữa người sử dụng và không gian xanh trên nhiều góc độ khác nhau.

Công viên và vườn, hệ sinh thái đô thị bền

vững của Sài Gòn xưa?

Nhìn lại quá khứ để hiểu về sự phát triển của không gian và xã hội ngày nay. Thời nhà Nguyễn, Sài Gòn vẫn còn một khu rừng nguyên sinh [5]. Thành phố được bao bọc bởi hệ thống kênh rạch chằng chịt, đông đúc các thuyền buồm tấp nập qua lại như Hébrard miêu tả [6]. Lúc bấy giờ, những công viên công cộng chưa thực sự hình thành, khái niệm vườn được thể hiện rõ. Vườn Ông Thượng (công viên Tao Đàn ngày nay) còn gọi là Lê Văn Duyệt hình thành năm 1900 với diện tích 90.503 m² tọa lạc ở trung tâm Sài Gòn bấy giờ. Nơi đây thường diễn ra các cuộc biểu tình lớn của người dân trong thời kì chiến tranh. Để ngợi ca lòng yêu nước, khu vườn được đặt tên là Tao Đàn. Trở thành công viên Tao Đàn sau ngày Độc lập, là nơi diễn ra nhiều sự kiện văn hóa lớn, chẳng hạn như hội hoa Tết và các lễ hội Vua Hùng.



Hình 2. Bản đồ địa chính Sài Gòn năm 1898

(Nguồn: Trung tâm dữ liệu Outre-mers, Pháp – ref. Cp/pl - IPL135.)

Trong thời thực dân Pháp (1858-1954), là thời kì hình thành và phát triển đáng chú ý của hệ thống không gian xanh nhất là các công viên, quảng trường của Sài Gòn như Thảo Cầm Viên, Nghĩa địa Tây (công viên Lê Văn Tám ngày nay) và công viên Lê Duẩn. Những không gian này được sử dụng cho nhu cầu giải trí, đi dạo của người dân đồng thời tạo nên một hệ sinh thái bền vững bảo vệ môi trường thành phố. Tham vọng của người Pháp là xây dựng một thành phố thuộc địa mang đậm kiến trúc phương Tây và là Hòn ngọc Viễn Đông thời bấy giờ.

Thảo cầm viên, khu bảo tồn đa dạng sinh học

Thảo Cầm Viên Sài Gòn hình thành từ quyết định ngày 23 tháng 3 năm 1864 của chỉ huy Grandière trên mảnh đất 12 hecta gần Arroyo Avalanche¹ [7] Mục đích ban đầu là

nhằm tạo ra một vườn ươm để cung cấp cây giống cho các tuyến đường Sài Gòn lúc bấy giờ. Tuy nhiên, mục tiêu chính là để tạo ra một không gian duy trì và phát triển các loài động vật và loài cây nhiệt đới trong nước [8].

Nhờ vậy, hệ thực vật trong vườn rất đa dạng. Năm 1877, Thảo Cầm Viên cung cấp 13.347 cây, bao gồm cây giống và cây công nghiệp như cao su, mía và cây ăn quả. Ngoài ra, với sự giúp đỡ của Nhật Bản, vườn ươm Thảo Cầm Viên ngày càng trở nên đa dạng với nhiều cây có kích thước lớn². Nhờ vào đặc tính rừng địa phương, Thảo Cầm Viên sở hữu một số lượng động vật hoang dã nhiệt đới phong phú, một số loài có nguồn gốc từ Campuchia có giá

¹ Kênh Thị Nghè ngày nay

² Nhiều cây có nguồn gốc từ Nhật Bản viết theo tiếng Latinh như : Kaki, Chizagnamatz, Goyamatz, Acamatz, Coromatz, Kayanoki, Kayamaki, Enoki, Maki, Asonmaro, Sengni, Momi, Cashi.

trị lớn như rùa lớn, gà lôi, chim công... Đây cũng là nơi hội tụ các cuộc triển lãm và giao lưu của người dân với các nước trên thế giới. Thảo Cầm viên được công nhận là một trong những trang sức cảnh quan độc đáo nhất Sài Gòn thời bấy giờ. Tuy nhiên, hoàn toàn khác với các nước phát triển, những khu vườn như Thảo Cầm viên không được sử dụng triệt để cho nhu cầu vui chơi giải trí của người dân ở Việt Nam. Người dân được tự do sinh hoạt vào buổi sáng từ 5h đến 7h nhưng sau đó nhường lại cho việc bán vé phục vụ cho khách tham quan. Thành phố cần đáp ứng nhu cầu xã hội của người dân hay là ưu tiên phát triển du lịch bằng cách sử dụng những không gian xanh này ?

Công viên và cây xanh trước nhu cầu quy hoạch và phát triển đô thị, nhân chứng cho sự suy giảm nhanh chóng của thiên nhiên trong thành phố

Phát triển và lan tỏa đô thị của thành phố đánh dấu bước chuyển tiếp quan trọng từ nửa cuối của thế kỷ XIX bởi hai làn sóng nhập cư năm 1954 và năm 1975 [9]. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng của thành phố từ thời kì mở cửa kinh tế thị trường năm 1986 là sự gia tăng ô nhiễm môi trường [10]. Sông và kênh rạch thành phố bao phủ một màu đen, nước thải, bầu không khí trở nên khó thở do khói thải từ các nhà máy và khu công nghiệp. Siêu đô thị miền Nam đứng trước sự suy thoái môi trường nghiêm trọng [11].

Điều này được Bộ Tài nguyên và Môi trường nhấn mạnh vào năm 2005 về tình trạng không gian xanh tại TP.HCM. So với các thành phố lớn khác trên thế giới, diện tích không gian xanh TP.HCM ít hơn hai lần so với Tokyo và 30 lần so với London và Washington. Tỷ lệ không gian xanh trong thành phố hiện nay chỉ đạt 0,94m²/người. Những tòa nhà cao tầng chiếm lấy không gian tự nhiên từ trung tâm đến vùng

ven thành phố. Hàng ngàn công ty, xí nghiệp mọc lên ở những quận mới như Tân Phú, Bình Tân. Chỉ số hiện tại của mảng xanh vùng nội thành rất thấp, chỉ đạt 2,32% tổng diện tích mảng xanh thay vì 10-15% theo quy hoạch không gian xanh TP.HCM giai đoạn 2005-2010. Hơn nữa, hệ thống công viên phân bố không đồng đều. Khu vực nội thành có đến 22 công viên lớn nhỏ với tổng diện tích 58,54 hecta và tập trung chủ yếu ở Quận 1 và quận 3.

Năm 1930, Ginzburg và Barchtch đã công bố dự án xây dựng lại Moscow mang tên “Thành phố Xanh”, đề nghị việc di dời dần dần các nhà máy xí nghiệp và dịch vụ về vùng nông thôn [12]. Không gian thu hồi trong trung tâm thành phố được chuyển đổi thành công viên rộng lớn đa chức năng (văn hóa, hành chính, giải trí, vv). Mô hình công viên này hướng tới nhu cầu giải trí đại chúng đã được áp dụng thành công ở hầu hết các thành phố lớn của Liên Xô cũ. Vì vậy, trong tất cả các chiến lược quy hoạch đô thị, công viên được coi là yếu tố hết sức cần thiết cần xem xét [1]. Khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, không gian xanh đã tham gia vào việc xây dựng tư duy đô thị, là nền tảng của mô hình đô thị [1]. Thế nhưng ở Việt Nam, việc xây dựng và quy hoạch đô thị ít hoặc không dựa theo nguyên lý trên.

Công viên Lê Văn Tám và dự án bãi đậu xe ngầm

Lê Văn Tám là công viên mang đến nhiều khái niệm khác nhau về sự phát triển và sử dụng không gian xanh đô thị tại Việt Nam. Thời Pháp thuộc, người Pháp đã xây dựng nghĩa trang gọi là Nghĩa địa Tây cho lính Pháp tại Sài Gòn. Vào thời điểm đó, nơi đây cũng được sử dụng cho việc đi dạo của người dân. Dưới thời Mỹ ngụy, ra đời một quan niệm khác về tính thẩm mỹ và vệ sinh đô thị. Theo đó, nghĩa trang phải được di dời ra ngoại ô và thay thế bằng

công viên. Sau độc lập, công viên được đặt tên là Lê Văn Tám. Từ năm 2003, Ủy ban nhân dân TP.HCM đã ra quyết định xây dựng một bãi đậu xe ngầm tại công viên. Trong tương lai, nơi đây sẽ là bãi đậu xe ngầm và một trung tâm mua sắm với các phương tiện giải trí hiện đại. Tuy nhiên, dự án này cho thấy một số ý kiến trái chiều giữa các cơ quan quản lý: một mặt, thành phố muốn sử dụng không gian này để phát triển thương mại và giải quyết vấn đề bãi đậu xe tại thành phố, mặt khác nhiều chuyên gia và người dân đang lo ngại về tác động của dự án đến nhu

cầu sinh hoạt của người dân địa phương và tính khả thi của dự án.

Gia Định, công viên bị chia làm đôi

Công viên Gia Định là một trong những công viên đại diện cho nhiều công viên bị cắt giảm diện tích cho các dự án mở rộng đường phố, là “nạn nhân” của sự gia tăng dân số, gia tăng phương tiện giao thông hiện nay và việc mở rộng đô thị thiếu kiểm soát trong các dự án phát triển đô thị của TP.HCM.



Hình 3. Sân bay Tân Sơn Nhất et công viên Gia Định.

Công viên Gia Định với diện tích hơn 32 hecta nằm ở ranh giới ba quận Phú Nhuận, Gò Vấp và Tân Bình (Hình 3).

Năm 2005, dự án xây dựng tuyến đường Hoàng Minh Giám đi qua công viên Gia Định được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân TP.HCM nhằm phục vụ cho việc kết nối nhanh với sân bay Tân Sơn Nhất, tạo vành đai giao thông bên ngoài thành phố. Để thực hiện dự án này, 3.800 gia đình đã phải di dời. Nhằm tái định cư cho người dân, thành phố đã sử dụng 2 hecta công

viên để xây dựng chung cư mới. Từ dự án đến dự án, diện tích công viên Gia Định ngày càng giảm. Công viên bị chia thành hai khu vực: Công viên Gia Định I và Gia Định II. Hiện tại dự án đã hoàn thành nhưng những vấn đề về đền bù và giải tỏa vẫn chưa chấm dứt. Theo kết quả điều tra, một số gia đình không muốn di dời vì đền bù của thành phố không thỏa đáng và khó khăn của người dân di dời tái định cư: nhà ở mới nhỏ hơn so với trước đây, sự di chuyển của người già trở nên khó khăn vì chung cư cao

tầng nhưng không có thang máy.

Vấn đề này tương tự như trường hợp của Singapore, Olivier Sevin (2008) chỉ ra rằng các chính sách tích cực cho sự phát triển không gian xanh ở đất nước này hoàn toàn nhân tạo không nhằm mục đích góp phần cải thiện đời sống người dân, nó chỉ phục vụ để góp vào việc xây dựng một hình ảnh tiêu chuẩn hóa và quốc tế hóa “thành phố xanh” mà thôi [13].

Gần đây, trên các mặt báo của thành phố có thông tin công viên Gia Định sẽ được kết nối lại để tăng diện tích không gian xanh. Điều này chứng tỏ quyết định chia cắt công viên làm hai là không hợp lý.

Công viên và cây xanh trước nhu cầu xã hội của người dân

Không gian xanh cũng có những đặc trưng riêng tùy theo nhu cầu sử dụng của người dân. Đó là nơi để duy trì và rèn luyện sức khỏe, là nơi để thấy khả năng hòa nhập của cơ thể qua những thay đổi thời tiết.

Công viên, nơi để duy trì sức khỏe cộng đồng

Qua kết quả khảo sát, đa số người dân được phỏng vấn cho biết đến công viên thường xuyên với mục đích rõ ràng. Mục đích chính là rèn luyện sức khỏe cơ thể. Điều này cũng có thể dễ dàng hiểu trong xã hội hiện đại, nhất là các thành phố lớn.

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người dân đến công viên gần nơi cư trú. Thói quen này được thể hiện qua những trả lời cho câu hỏi về thời gian di chuyển đến các công viên. Gần một nửa người dân được hỏi nói rằng họ chỉ mất chưa đầy mười phút đi xe máy hoặc 15 phút đi bộ để đến nơi. Người dân sống gần công viên đến thường xuyên hơn những người ở xa. Thật vậy, một số lượng nhỏ người trả lời thường đến công viên đến từ Quận 4 và Quận 8,

là những quận nội thành không có công viên. Như vậy việc rèn luyện sức khỏe qua không gian xanh phụ thuộc vào đặc điểm và tính lân cận giữa nơi ở và công viên.

Đi bộ trong công viên, hoạt động duy trì sức khỏe phổ biến tại Việt Nam

Hầu hết người được phỏng vấn đến công viên với mục đích đi bộ để cơ thể được khỏe mạnh. Ở những người tham gia vào chương trình khảo sát, chúng ta quan sát thấy trang phục rất đơn giản, là một bộ quần áo ở nhà bình thường hoặc trang phục công sở trở về sau một ngày làm việc (Hình 4). Chúng ta sẽ thấy ở hầu hết các công viên, bất cứ lúc nào họ cũng có thể tập trung đi bộ với ý thức tập luyện để bảo vệ sức khỏe và ít hoặc không quan tâm đến những người đồng hành. Những người đến công viên với mục đích này thường đến một mình. Thật vậy, đi bộ cũng là nghệ thuật trong việc bảo vệ sức khỏe của người Việt Nam, điều này đặc biệt thể hiện rõ tại hai thành phố lớn Hà Nội và TP. HCM. Xu hướng này cũng có mặt trong hầu hết các nước Châu Á như chúng ta thường quan sát ở Trung Quốc hoặc Singapore.

Quan sát tại bốn công viên, chúng tôi thấy rằng người dân sẽ đi theo vòng cùng một hướng. Thói quen này thường thấy ở những công viên có chức năng giải trí như Lê Văn Tám, Gia Định, Lê Thị Riêng. Người đi bộ luôn bắt đầu ở bên phải của lối vào công viên, theo chiều kim đồng hồ. Hầu như mọi người đều đi theo một hướng và dừng lại ở những nơi có ghế hoặc nơi có dụng cụ thể thao để nghỉ chân hoặc tập một môn thể thao khác. Những người được phỏng vấn giải thích rằng họ không muốn đi theo hướng ngược lại bởi vì họ không thích đối diện với dòng người đi bộ và việc đi theo người khác mang lại cho họ thêm động lực cho việc đi bộ. Một cách giải thích khác liên quan đến thói quen giao thông về phía bên phải như ở nhiều nước khác.



Hình 4. Dòng người đi bộ ở công viên Lê Văn Tám
(Nguồn : Tác giả., 2008).

Công viên ở Việt Nam thường có đặc điểm chung là đường đi bằng bê tông vòng quanh công viên và có tường ngăn cách bên ngoài. Tính năng của quy hoạch này nhằm áp dụng cho việc đi bộ nhất là lúc trời mưa, tránh việc ngập nước những bãi cỏ. Tường và rào sắt phân cách các hoạt động bên ngoài công viên: xe ôm, hàng rong, bãi đậu xe...Chúng ta cũng nhận thấy đặc tính thoáng mát của công viên: các loại cây lớn có đặc tính rừng: cây dầu, cây sao, thậm chí được cắt tỉa cẩn thận và có ít hoặc không có bụi cây. Gốc cây được quét vôi để chống sâu bọ.

Tập thể dục trong công viên, nghệ thuật sống của người cao tuổi và phụ nữ

Công viên đô thị còn là nơi tập thể dục với âm nhạc cho hầu hết phụ nữ có độ tuổi từ 20 đến 60. Loại hình công viên và sinh hoạt này gần như vắng mặt ở vùng nông thôn và thị trấn nhỏ tại Việt Nam. Theo quan sát tại các công viên, chúng tôi thấy rằng, các nhóm được hình thành theo các loại hình thể thao khác nhau: nhóm phụ nữ với các bài tập thể dục nhịp điệu, nhóm khác học nhảy tự phát hoặc có người hướng dẫn.

Ở công viên Tao Đàn, Lê Văn Tám và Gia Định, có ít nhất hai hoặc ba nhóm phụ nữ là bạn hoặc đồng nghiệp, những người còn lại chỉ làm quen qua các buổi tập ở công viên. Các hướng dẫn viên các nhóm này thường sắp xếp với nhân viên quản lý công viên để đặt chỗ và đóng khoảng 300.000 đồng mỗi tháng. Ngược lại, tại Thảo Cầm viên, hoạt động này chỉ diễn ra vào sáng sớm khoảng 5h. Vào 7h sáng, nơi đây bán vé giành cho khách tham quan.

Hình thức sử dụng này dẫn đến việc hình thành hai dạng công viên tại TP.HCM. Công viên lớn trở thành không gian công cộng cho dịch vụ trả tiền phí: nơi tập thể dục, lớp học nhảy, cửa hàng đồ uống, trong khi các công viên vừa và nhỏ có hoạt động đơn giản hơn và miễn phí (công viên Lê Duẩn bên cạnh Công viên Tao Đàn chẳng hạn).

Đối với người già, công viên là nơi duy trì những nghệ thuật truyền thống mà chúng ta tạm gọi là nghệ thuật nghỉ dưỡng. Hoạt động này còn được gọi là thời gian phục hồi sức khỏe [14]. Tại những công viên nghiên cứu, chúng tôi thường thấy người già thể hiện các môn thể thao truyền thống như dưỡng sinh, khiêu vũ, múa kiếm, múa quạt.



Hình 5. Múa quạt ở công viên Lê Văn Tám.
(Nguồn. Tác giả, 2007)



Hình 6. Mát-xa sau khi tập Dưỡng sinh.
(Nguồn. Tác giả, 2008)



Hình 7 : Tập Dưỡng sinh ở Hồ Gươm, Hà Nội.
(Nguồn, Báo Tuổi Trẻ, 2007).



Hình 8 : Tập Dưỡng sinh vào sáng sớm ở công viên.
Lê Văn Tám (Nguồn. Tác giả, 2008)

Loại hình thể thao được nhiều người cao tuổi thực hành phải kể đến là dưỡng sinh, là những động tác di chuyển chân tay kết hợp nhịp nhàng với hơi thở. Sau khi tập dưỡng sinh, chúng tôi thường thấy họ dừng lại và thực hiện các động tác mát-xa và chia sẻ những câu chuyện hằng ngày hoặc những gì họ sẽ làm trong ngày. Điều này cho thấy công viên là một nơi có tính xã hội và nhân văn lớn, đặc biệt cho người cao tuổi.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy tại TP.HCM, người dân không có nơi lý tưởng để tập dưỡng sinh như ở Hà Nội. Chúng ta thấy người già tập thể dục đi dạo buổi sáng bên hồ Hoàn Kiếm (Hình 7) và tận hưởng không gian, trong khi đó ở TP. HCMV, người già phải tập dưỡng sinh từ sáng sớm, khi đèn đường vẫn còn sáng (Hình 8). Thật vậy, họ phải nhường chỗ cho các trò chơi của trẻ em và thanh niên từ 7h sáng và các lớp học khiêu vũ vào buổi tối.

Công viên và sự thích nghi của người dân

Trong các nghiên cứu về không gian xanh đô thị, Sylvie Rimbert đã kết luận rằng đặc tính của không gian xanh được thể hiện thông qua sự tương ứng giữa thực tế bên ngoài và trạng thái tâm lý bên trong của con người [15]. Đối với các công viên được khảo sát tại TP. HCM, điều này có thể được hiểu qua sự thích nghi của người già qua các mùa khác nhau.

Sống ở TP Hồ Chí Minh người dân cần thích nghi với hai mùa khí hậu: mùa khô và mùa mưa. Thời tiết đều nóng cả hai mùa, công viên là nơi làm cho không khí trở nên dễ chịu hơn đặc biệt đối với những người lớn tuổi. Qua khảo sát, những người ở độ tuổi từ 65 đến 75 cho thấy rằng họ sử dụng không gian xanh theo ý thức về sự thay đổi các mùa quanh năm. Trường hợp của Bác Bảy là ví dụ điển hình, 70 tuổi, sống ở phường Bến Thành, Quận 1. Đây là nơi ở “lý tưởng” vì chỉ mất 10 phút để đi bộ đến công viên 23 tháng 9, cũng là việc hằng ngày của Bác Bảy. Ông ví von “*khi điếu thuốc của tôi tàn, cũng là lúc tôi đến nơi (đến công viên)*”. Cũng từ nhà Bác Bảy, chỉ mất 20 phút để đến công viên Tao Đàn. Không như nhiều người dân thành phố khác, Bác Bảy có cơ hội để dễ dàng tiếp cận không gian xanh. Trong hai công viên thì Tao Đàn là nơi mà Bác Bảy thích hơn nhưng ông lại không đến đó vào mùa hè: “*Tôi đến đây [Công viên 23 Tháng 9] vì mùa này công viên này mát hơn công viên Tao Đàn. Vào mùa khác, tôi đến công viên Tao Đàn vì công viên này đẹp, đúng nghĩa là một công viên*”. Qua đó, chúng ta thấy có sự lựa chọn địa điểm nhất định tùy thuộc vào khả năng cảm nhận sự thay đổi thiên nhiên và tính thẩm mỹ nơi đến của người dân.

Theo kết quả khảo sát, đa số người dân thích sự yên tĩnh và ít người sử dụng trong công viên. Khi công viên quá đông đúc, thường vào

mùa hè, những người thường lui tới công viên tìm đến nơi khác. Nếu công viên có nhiều khu vui chơi cho trẻ em, sự yên tĩnh bị phá vỡ, không còn tôn trọng đối với một số người sử dụng. Ví dụ, vào mùa hè, phụ huynh thường cho trẻ em đến công viên Tao Đàn vì nơi đây có rất nhiều trò chơi. Bác Bảy thích công viên 23 tháng 9 trong khu phố của mình hơn vì ông có thể ngồi xem hoặc nói chuyện với những người chơi cờ mà không có tiếng ồn. Vào mùa mưa, ông lại đến công viên Tao Đàn vì công viên có nhiều mái che và nhiều cây hơn.

Khi các đặc tính của công viên thay đổi, người sử dụng cũng thay đổi hình thức sinh hoạt. Điều này thể hiện sự hài hòa về tâm lý của người sử dụng thông qua sự lựa chọn công viên này thay vì một công viên khác. Đó cũng là mối quan hệ tương tác giữa người sử dụng và không gian xanh, tùy theo mỗi cá nhân mà chúng tôi cho rằng đây cũng là một nghệ thuật sống.

Kết luận

Nghiên cứu về đặc điểm và các loại hình công viên đô thị giúp chúng ta hiểu một số vấn đề trong việc sử dụng không gian xanh hiện nay tại Việt Nam nhằm đưa ra những quyết định đúng đắn trong sự lựa chọn giữa phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân thành phố. Sự chênh lệch chất lượng không gian xanh giữa các thành phố hiện nay tại Việt Nam là rất lớn và cần phải cải thiện diện tích sử dụng không gian xanh.

Mặc dù vậy, sống trong một thành phố lớn với nhiều vấn đề đô thị, nhất là TP.HCM người dân vẫn ưu tiên dù ở những cấp độ khác nhau, mong muốn được sống hài hòa với thiên nhiên. Điều này được thể hiện dưới các mục đích và nhiều hình thức sử dụng khác nhau của người dân. Với họ, công viên đô thị có ý nghĩa và giá

trị lớn về mặt xã hội, bao gồm cả quan điểm rèn luyện và duy trì sức khỏe. Cách thức sử dụng công viên của người dân cho thấy những thay đổi về lối sống và nhu cầu xã hội hiện nay. Nghiên cứu về đặc tính không gian xanh ở TP Hồ Chí Minh cho thấy tính năng động đô thị qua việc sử dụng không gian xanh trong một nước đang phát triển như Việt Nam.

Phương pháp tiếp cận không gian xã hội trong nghiên cứu sử dụng công viên đô thị là công cụ quan trọng nhằm hiểu sâu sắc hơn về văn hóa và bản sắc đô thị Việt Nam. Nghiên cứu việc sử dụng không gian xanh ở TP Hồ Chí Minh mang lại cách nhìn khác về sở hữu không gian xanh đô thị, về mối quan hệ giữa con người, xã hội và không gian ở những nước nhiều chuyển biến về kinh tế và nhu cầu xã hội hiện nay như Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Mehdi L., Weber C., Di Pietro F., Selmi W. (2013). « Évolution de la place du végétal dans la ville, de l'espace vert à la trame verte ». Vertigo - la revue électronique en sciences de l'environnement [En ligne], Vol.12, n°2, septembre 2012, mis en ligne le 02 octobre 2012, consulté le 13 juillet 2013. URL: <http://vertigo.revues.org/12670> ; DOI : 10.4000/vertigo.12670
- [2] Chế Đình Lý (1997). *Cây xanh - Phát triển và quản lý trong môi trường đô thị*. NXB Nông nghiệp TP.HCM, 143 trang.
- [3] Hàn Tất Ngạn (1990). *Kiến trúc cảnh quan đô thị*. Hanoi: NXB Xây Dựng, 126 trang.
- [4] Long N., Tonini B. (2012). « Les espaces verts urbains : étude exploratoire des pratiques et du ressenti des usagers », *VertigO - la revue électronique en sciences de l'environnement* [En ligne], Vol.12, n°2, septembre 2012, mis en ligne le 31 octobre 2012, consulté le 14 juillet 2013. URL : <http://vertigo.revues.org/12931> ; DOI : 10.4000/vertigo.12931
- [5] Nguyễn Đình Đầu (1998), *De Saigon à Hochiminh Ville, 300 ans d'histoire*. Edition science et technique : Service de Cadastre, 1998, 177 p.
- [6] Hébrard Ernest-M. (1923). « Urbanisme en Indochine ». Centre d'Archive d'Outre-Mer, Aix-en-Provence, 16 p. (Fm//Agefm//263).
- [7] Lê Nguyên (1998). « Thảo Cầm Viên Sài Gòn, những năm đầu ». Báo Thế Giới Mới số 277 ngày 16 tháng 3 năm 1998.
- [8] Lê Nguyên, Bouchot J. (1927). *L'histoire de Saigon 1859-1865*. Le Courrier de Saigon 20 janvier 1927.
- [9] Gubry P., Lortic B., Grenèche G., Lê Van Thanh, Lê Thi Hương, Trần Thị Thanh Thuy, Nguyễn Thị Thiêng, Phạm Thuy Hương, Vu Hoang Ngân, Nguyễn Thê (2002). *Chinh. Hồ Chí Minh Ville et Hanoi : population et migrations intra-urbaines*. Paris (FRA) ; Hồ Chí Minh Ville : IRD ; IRE, 42 p., p.3.
- [10] Atkinson A. (2012). « Environnement urbain et développement : le cas de l'Asie du Sud-Est » in Lieberherr-Gardiol F. et Solinis G. (dir.), *Quelles villes pour le 21^e siècle ?*. Switzerland : Infolio éditions, 438 p, p. 264-310.
- [11] Bolay J.-C., Pedrazzini Y., Rabinovich A. (2000). « Quel sens au développement durable dans l'urbanisation du tiers-monde », in "Développement et Coopération" *Les Annales de la Recherche Urbaine*, n° 86, Plan Urbain, 2000, p.77-84.
- [12] Essaïan E. (2006). *Le plan général de reconstruction de Moscou de 1935. La ville, l'architecte et le politique. Héritages culturels et pragmatisme économique*. Thèse, Université de Paris VIII, Vincennes Saint-Denis, 545 p.
- [13] Fournet-Guerin C. (dir.) (2008). « La nature dans des villes du Sud ». *Géographie et Cultures*, n°62, 142 p.
- [14] Reichert H., Rémond J.-D. (1980). *Analyse sociale de la ville*. Paris ; Masson, 226 p., p.128
- [15] Rimbart S. (1973). *Les paysages urbains*. Paris : Armand Colin, 1973, 240 p

Green Park in Hồ Chí Minh City: Formation, Development and Using Tendency and Existing Problems

Nguyễn Thị Hạnh

Orleans University, No. 10 Rue de Tours, Paris, France.

Abstract: Parks and green spaces in Hồ Chí Minh city are formed and developed during different historical periods of the country. Throughout these periods, new practices and different types of parks and gardens have appeared. This paper aims to provide an overview of urban green spaces in Hồ Chí Minh City and to determine the role of green spaces, particularly public parks, versus the challenge of economic development and urban management in the city. To accomplish this goal, the study is based on the socio-spatial approach and the observations made in four urban parks of Hồ Chí Minh City through the inhabitant uses and practices.

Keywords: Green space, park, inhabitants, Hồ Chí Minh City, Vietnam.